

Số: /XMHM-TCKT
V/v Công bố thông tin báo cáo
tài chính quý 1/2014

Hoàng Mai, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170 Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trương Quốc Huy
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18/04/2014 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2013)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

Trương Quốc Huy

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM 2013

SO VỚI QUÝ I NĂM 2014

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ I NĂM 2014

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18 tháng 04 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		594.990.553.205	675.623.592.541
I. Tiền	110	4	32.930.477.111	209.424.641.432
1. Tiền	111		32.930.477.111	209.424.641.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.998.341.173	5.220.174.650
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	19.998.341.173	5.220.174.650
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		243.649.374.940	129.234.947.090
1. Phải thu của khách hàng	131		229.996.583.249	119.396.209.158
2. Trả trước cho người bán	132		14.115.240.580	10.319.128.164
5. Các khoản phải thu khác	135	6	2.299.603.123	2.281.661.780
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.762.052.012)	(2.762.052.012)
IV. Hàng tồn kho	140	7	278.795.378.840	326.713.947.742
1. Hàng tồn kho	141		281.302.726.445	329.221.295.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.507.347.605)	(2.507.347.605)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.616.981.141	5.029.881.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	11.640.575.297	1.665.514.949
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		426.134.082	426.134.082
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	7.550.271.762	2.938.232.596
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1.330.531.958.424	1.330.919.562.553
II. Tài sản cố định	220		1.277.793.441.490	1.273.748.419.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.228.157.892.563	1.255.623.921.086
- Nguyên giá	222		2.767.984.466.769	2.765.046.774.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.539.826.574.206)	(1.509.422.853.575)
3. Tài sản cố định vô hình	227		978.008.412	898.815.345
- Nguyên giá	228		1.511.153.370	1.361.153.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(533.144.958)	(462.338.025)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	48.657.540.515	17.225.683.287
V. Tài sản dài hạn khác	260		52.738.516.934	57.171.142.835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	51.959.829.655	56.392.455.556
2. Tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		778.687.279	778.687.279
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.925.522.511.629	2.006.543.155.094

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 =310+330)	300		1.077.999.062.747	1.159.766.878.352
I. Nợ ngắn hạn	310		835.921.424.535	918.827.876.271
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	502.387.900.777	653.726.653.286
2. Phải trả cho người bán	312		197.134.535.374	148.631.455.223
3. Người mua trả tiền trước	313		1.424.043.092	9.711.123.307
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.937.992.552	8.325.186.556
5. Phải trả người lao động	315		13.853.653.433	20.083.970.711
6. Chi phí phải trả	316	15	34.927.713.639	25.976.849.483
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	76.586.161.240	47.054.921.777
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.669.424.428	5.317.715.928
II. Nợ dài hạn	330		242.077.638.212	240.939.002.081
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	220.272.555.129	220.272.555.129
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		21.805.083.083	20.666.446.952
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		847.523.448.882	846.776.276.742
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	847.523.448.882	846.776.276.742
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		720.000.000.000	720.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.138.086.811	19.138.086.811
4. Cổ phiếu quỹ	414		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		106.584.633.283	106.584.633.283
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		27.750.379.292	27.750.379.292
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.249.811.958	1.502.639.818
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.925.522.511.629	2.006.543.155.094

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Chu kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến 31/03/2014

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2014	Quý 1 năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	425.992.401.819	369.265.450.939
2. Các khoản giảm trừ	02		11.216.721.561	17.632.451.513
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		414.775.680.258	351.632.999.426
4. Giá vốn hàng bán	11	20	360.552.111.891	313.368.717.748
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		54.223.568.367	38.264.281.678
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	291.069.967	784.979.780
7. Chi phí tài chính	22	22	13.654.906.437	19.622.656.094
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.655.965.137</i>	<i>19.588.242.294</i>
8. Chi phí bán hàng	24		18.540.126.203	15.593.254.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.761.177.921	14.253.900.001
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.558.427.773	(10.420.549.077)
11. Thu nhập khác	31		336.709.324	529.055.799
12. Chi phí khác	32		9.328.826	275.124.028
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		327.380.498	253.931.771
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.885.808.271	(10.166.617.306)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	725.928.204
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.138.636.131	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		747.172.140	(10.892.545.510)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	11	(157)

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2014 của Công ty lãi 0,7 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2013 là lỗ 10,9 tỷ đồng) chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ quý 1 năm 2014 tăng 32% so với cùng kỳ năm 2013.
- Mác nền Clinker năm 2014 tăng, làm tăng tỷ lệ pha phụ gia, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

<http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

